

Số: 128 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng
trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được
sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ
ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự
nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy định, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng
ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây
dựng;

Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam số 4601:2012 yêu cầu thiết kế Công sở cơ
quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ các quy định khác của pháp luật hiện hành;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chuẩn, định mức sử dụng
diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân (chi tiết
theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số
73/QĐ-VKSTC ngày 15/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dung trụ sở làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Các Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao;
- Lưu: VT, C3.

QT 60b.

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
VIỆN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

T T	Tên diện tích chuyên dùng	Số lượng phòng/01 đơn vị	Diện tích /01 phòng	Tổng diện tích tối đa
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm	3	26	78
2	Phòng hỏi cung bị can	3	28	84
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng	3	30	90
4	Kho vật chứng	3	40	120
5	Phòng trực nghiệp vụ	2	30	60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với đương sự, người có liên quan đến đương sự và các cơ quan bên ngoài	3	27	81
7	Phòng họp liên ngành giải quyết án	1	120	120
8	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			
	<i>Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh</i>			1,200
	<i>Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng</i>			900
9	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ	3	30	90
10	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến	2	35	70
11	Phòng điều hành trung tâm, theo dõi chỉ huy hỏi cung bị can và lưu trữ dữ liệu	1	39	39
12	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành	1	78	78
13	Nhà lưu trú công vụ			
	<i>Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh</i>			550
	<i>Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng</i>			325

T T	Tên diện tích chuyên dùng	Số lượng phòng/01 đơn vị	Diện tích /01 phòng	Tổng diện tích tối đa
14	Khu rèn luyện thể chất			
	<i>Nhà rèn luyện thể chất có mái che</i>			500
	<i>Khu rèn luyện thể chất ngoài trời</i>			1,000

Ghi chú:

1) Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

2) Trong quá trình sử dụng phát sinh các diện tích đặc thù khác, đơn vị báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét quyết định.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

T T	Tên diện tích chuyên dùng	Số lượng phòng/01 đơn vị	Diện tích /01 phòng	Tổng diện tích tối đa
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm			
	VKSND Tp Hà Nội, Hồ Chí Minh			170
	VKSND cấp tỉnh còn lại	2	26	52
2	Phòng hỏi cung bị can	2	28	56
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng			
	VKSND Tp Hà Nội, Hồ Chí Minh			100
	VKSND cấp tỉnh còn lại	2	30	60
4	Kho vật chứng	2	40	80
5	Phòng trực nghiệp vụ	2	30	60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với đương sự, người có liên quan đến đương sự và các cơ quan bên ngoài	2	27	54
7	Phòng họp ủy ban kiểm sát và ủy ban kiểm sát mở rộng	1	52	52
8	Phòng họp liên ngành giải quyết án	1	120	120
9	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			
	VKSND cấp tỉnh loại 1 (trên 180 biên chế)			1,875
	VKSND cấp tỉnh loại 2 (91 - 180 biên chế)			1,500
	VKSND cấp tỉnh loại 3 (dưới 91 biên chế)			963
10	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ			
	VKSND Tp Hà Nội, Hồ Chí Minh			100
	VKSND cấp tỉnh còn lại	2	30	60

T T	Tên diện tích chuyên dùng	Số lượng phòng/01 đơn vị	Diện tích /01 phòng	Tổng diện tích tối đa
11	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến			
	<i>VKSND Tp Hà Nội, Hồ Chí Minh</i>			150
	<i>VKSND cấp tỉnh còn lại</i>	2	35	70
12	Phòng điều hành trung tâm, theo dõi chỉ huy hỏi cung bị can và lưu trữ dữ liệu	1	39	39
13	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành			
	<i>VKSND Tp Hà Nội, Hồ Chí Minh</i>	1	170	170
	<i>VKSND cấp tỉnh còn lại</i>	1	78	78
14	Nhà lưu trú công vụ			1,150
15	Khu rèn luyện thể chất			
	<i>Nhà rèn luyện thể chất có mái che</i>			1,000
	<i>Khu rèn luyện thể chất ngoài trời</i>			1,700

Ghi chú:

1) Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

2) Trong quá trình sử dụng phát sinh các diện tích đặc thù khác, đơn vị báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét quyết định.

Phụ lục III

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP KHU VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2025 của VKSND tối cao)

TT	Tên diện tích chuyên dùng	Số lượng phòng/01	Diện tích /01 phòng	Tổng diện tích tối đa
1	Phòng tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm	1	26	26
2	Phòng hỏi cung bị can	1	28	28
3	Phòng ghi lời khai nhân chứng	1	30	30
4	Kho vật chứng	1	40	40
5	Phòng trực nghiệp vụ	2	30	60
6	Phòng tiếp và làm việc của cán bộ kiểm sát viên với đương sự, người có liên quan đến đương sự và các cơ quan bên ngoài	1	27	27
7	Phòng họp liên ngành giải quyết án	1	60	60
8	Kho chuyên dùng lưu trữ hồ sơ án và tra cứu hồ sơ tài liệu			
	VKSND cấp khu vực loại 1 (trên 50 biên chế)			500
	VKSND cấp khu vực loại 2 (từ 21 - 50 biên chế)			400
	VKSND cấp khu vực loại 3 (dưới 21 biên chế)			312
9	Phòng luật sư nghiên cứu hồ sơ	1	30	30
10	Phòng giao ban và theo dõi phiên tòa trực tuyến	1	35	35
11	Trung tâm thống kê tội phạm liên ngành	1	39	39
12	Khu rèn luyện thể chất			
	Nhà rèn luyện thể chất có mái che			500
	Khu rèn luyện thể chất ngoài trời			1000
13	Nhà lưu trú công vụ			425

Ghi chú:

- 1) Diện tích trên là diện tích tối đa, được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc
- 2) Trong quá trình sử dụng phát sinh các diện tích đặc thù khác, đơn vị báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét quyết định.